

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN

Lớp học : 33 Liên thông - Kế toán 1

Ngành : Kế toán

Năm học : 2009 - 2010

ĐVHT : 4

Hệ ĐT : Liên thông cao đẳng

Học Phần : Quy hoạch tuyến tính

Học Kỳ : 2

Lần : 1

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	ĐIỂM THÀNH PHẦN						TBC TP	QUY TS 30%	ĐIỂM THI	QUY TS 70%	ĐIỂM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3310201001	Nguyễn Anh	Bằng	23/08/1987	7	3					5.00	1.50	5.00	3.50	5	
2	3310201002	Nguyễn Thị Ngọc	Bé	19/05/1988	6	5					5.50	1.65	7.00	4.90	7	
3	3310201003	Nguyễn Thị Sơn	Ca	10/04/1986	5	5					5.00	1.50	6.00	4.20	6	
4	3310501113	Đậu Đình	Khánh	1987	5	4					4.50	1.35	5.00	3.50	5	
5	3310201004	Lê Thị Ai	Diễm	11/01/1988	6	7					6.50	1.95	4.00	2.80	5	
6	3310201005	Võ Thị Xuân	Diễm	20/08/1988	6	7					6.50	1.95	5.00	3.50	5	
7	3310201048	Nghiêm Thị Dung	Dinh	18/10/1987	10	9					9.50	2.85	5.00	3.50	6	
8	3310201006	Nguyễn Thị Kiều	Duyên	10/05/1986	5	5					5.00	1.50	5.00	3.50	5	
9	3310201007	Ngô Thị Nhanh	Em	10/04/1987	6	6					6.00	1.80	5.00	3.50	5	
10	3310201008	Phạm Thị Mỹ	Điệp	04/12/1983	6	7					6.50	1.95	6.00	4.20	6	
11	3310201009	Ngô Thị Thu	Hằng	23/12/1983	6	5					5.50	1.65			2	
12	3310201010	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	29/09/1988	6	7					6.50	1.95	6.00	4.20	6	
13	3310201011	Thái Thị Mỹ	Hạnh	09/01/1987	5	8					6.50	1.95	5.00	3.50	5	
14	3310201012	Võ Thị Bích	Hạnh	21/02/1978	9	8					8.50	2.55	4.00	2.80	5	
15	3310201013	Nguyễn Thị	Hà	10/04/1988	6	5					5.50	1.65	5.00	3.50	5	
16	3310201014	Nguyễn Thị	Hiên	14/02/1988	8	6					7.00	2.10	9.00	6.30	8	
17	3310201015	Nguyễn Thị	Huệ	10/01/1986	6	5					5.50	1.65	5.00	3.50	5	
18	3310201016	Trần Thị	Huệ	07/07/1986	5	5					5.00	1.50	6.00	4.20	6	
19	3310201017	Bùi Thị	Lan	13/01/1988	10	5					7.50	2.25	5.00	3.50	6	
20	3310201018	Nguyễn Thị	Lan	04/10/1987	4	5					4.50	1.35	7.00	4.90	6	
21	3310201019	Dương Thị	Lê	10/05/1986	5	4					4.50	1.35	5.00	3.50	5	

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	ĐIỂM THÀNH PHẦN						TBC TP	QUY TS 30%	ĐIỂM THI	QUY TS 70%	ĐIỂM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
22	3310201020	Trần Thị Thuỳ	Linh	07/01/1987	6	7					6.50	1.95	5.00	3.50	5	
23	3310201021	Trương Thị Thuý	Linh	15/08/1984	6	6					6.00	1.80	4.00	2.80	5	
24	3310201022	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	16/07/1986	7	7					7.00	2.10	5.00	3.50	6	
25	3310201023	Nguyễn Thị	Nhự	04/03/1988	7	6					6.50	1.95	5.00	3.50	5	
26	3310201024	Dương Thị	Oanh	05/07/1980	5	4					4.50	1.35	5.00	3.50	5	
27	3310201025	Nguyễn Thị Kim	Oanh	22/04/1988	4	5					4.50	1.35	6.00	4.20	6	
28	3310201026	Đặng Thị Cảnh	Phi	10/07/1988	10	9					9.50	2.85	9.00	6.30	9	
29	3310201028	Phú Thị Hoài	Phượng	24/11/1985	5	5					5.00	1.50	5.00	3.50	5	
30	3310201029	Nguyễn Thị Kim	Quyên	03/12/1984	6	6					6.00	1.80	7.00	4.90	7	
31	3310201030	Lê Văn	Sĩ	10/07/1985	5	5					5.00	1.50	6.00	4.20	6	
32	3310201031	Vương Thị	Tân	01/06/1987	9	5					7.00	2.10	3.00	2.10	4	
33	3310201032	Nguyễn Thị	Thắm	12/04/1987	8	8					8.00	2.40	6.00	4.20	7	
34	3310201033	Đỗ Thị	Thắng	23/08/1987	10	10					10.00	3.00	9.00	6.30	9	
35	3310201034	Nguyễn Thị Thu	Thảo	19/10/1988	5	5					5.00	1.50	5.00	3.50	5	
36	3310201035	Phạm Thị Kim	Thảo	05/10/1987	6	5					5.50	1.65	8.00	5.60	7	
37	3310201036	Nguyễn Vĩnh	Thuật	17/04/1985	0	0					0.00	0.00			0	
38	3310201037	Bùi Thị Thanh	Thúy	25/08/1982	7	6					6.50	1.95	5.00	3.50	5	
39	3310201038	Lương Thị Kim	Thủy	06/11/1984	5	5					5.00	1.50	5.00	3.50	5	
40	3310201039	Trần Thị Thanh	Thủy	12/11/1983	6	5					5.50	1.65	5.00	3.50	5	
41	3310201040	Nguyễn Quốc	Toản	15/02/1983	0	0					0.00	0.00			0	
42	3310201041	Nguyễn Kim Mỹ	Trâm	26/11/1988	10	10					10.00	3.00	9.00	6.30	9	
43	3310201042	Nguyễn Hoàng	Trung	16/06/1985	5	5					5.00	1.50	0.00	0.00	2	Học lại
44	3310201043	Phan Thị	Tưởng	11/03/1986	5	6					5.50	1.65	6.00	4.20	6	
45	3310201047	Nguyễn Thị	Vân	11/05/1983	6	6					6.00	1.80	5.00	3.50	5	
46	3310201044	Đặng Thị	Vuông	14/09/1986	4	5					4.50	1.35	5.00	3.50	5	
47	3310201045	Hồ Thị	Xuân	16/04/1987	0	0					0.00	0.00			0	
48	3310201046	Nguyễn Thị Kim	Yến	11/02/1987	7	5					6.00	1.80	8.00	5.60	7	

Tổng: 48.00 học sinh - sinh viên

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ %
Xuất sắc	3	6.3
Giỏi	1	2.1
Khá	5	10.4

Trưởng Khoa

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ %
TB Khá	11	22.9
Trung bình	22	45.8
Không đạt	6	12.5
Miễn thi	0	0.0

Tp.HCM, ngày/....../.....
Giáo Vụ Khoa